

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ 2 NĂM 2016

HẢI PHÒNG - NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.081.746.065	100.897.903.959
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.174.731.679	38.635.046.676
1. Tiền	111		14.674.731.679	12.285.046.676
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.500.000.000	26.350.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.749.615.833	11.980.544.577
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	2.535.776.561	2.569.907.774
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	(1.043.719.061)	(1.046.921.530)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	8.257.558.333	10.457.558.333
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.567.669.075	47.024.594.361
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	42.957.482.719	38.777.742.161
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.376.750.980	8.785.088.052
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.171.990.633	2.400.319.405
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.938.555.257)	(2.938.555.257)
IV. Hàng tồn kho	140		905.036.966	1.594.468.128
1. Hàng tồn kho	141	V.6	905.036.966	1.594.468.128
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		684.692.512	1.663.250.217
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	684.692.512	1.177.345.073
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	485.905.144
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		0	
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		155.162.809.896	151.902.267.641
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		34.615.873.889	35.061.001.718
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		32.049.981.684	32.319.981.684
4. Phải thu dài hạn khác	216		2.565.892.205	2.741.020.034
II. Tài sản cố định	220	V.8	30.990.254.877	33.852.146.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221		30.990.254.877	33.852.146.244
- Nguyên giá	222		118.115.190.881	118.453.060.707
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.124.936.004)	(84.600.914.463)
2. Tài sản cố định vô hình	227		0	
- Nguyên giá	228		0	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.573.588.320	41.308.958.414
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	48.573.588.320	41.308.958.414
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		35.340.307.522	35.340.307.522
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.3	3.600.000.000	3.600.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.3	33.594.424.002	33.594.424.002
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.3	(1.854.116.480)	(1.854.116.480)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.642.785.288	6.339.853.743
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	5.642.785.288	6.339.853.743
2. Tài sản dài hạn khác	268		0	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		251.244.555.961	252.800.171.600

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		85.028.879.960	87.050.998.780
I. Nợ ngắn hạn	310		32.747.466.186	34.463.644.106
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	18.076.947.402	17.631.406.924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.240.029	775.906.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.387.631.710	4.145.698.884
4. Phải trả người lao động	314		3.442.363.390	5.907.542.348
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	4.638.845.489	3.457.453.472
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	85.527.270	726.981.816
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.861.291.591	1.586.775.980
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	572.219.092	
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		678.400.213	231.878.182
II. Nợ dài hạn	330		52.281.413.774	52.587.354.674
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	52.281.413.774	52.587.354.674
2. Doanh thu chưa thực hiện	338			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.215.676.001	165.749.172.820
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	166.215.676.001	165.749.172.820
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.000.000.000	20.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.830.983.651	12.315.446.218
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.384.712.350	43.433.746.602
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.595.534.229	25.995.248.480
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.789.178.121	17.438.498.122
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		251.244.555.961	252.800.171.600

Hải phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thu Hà

Đặng Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay Q2/2016	Năm trước Q2/2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.644.037.131	61.575.173.884	116.053.047.271	116.980.349.549
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	VI.1	60.644.037.131	61.575.173.884	116.053.047.271	116.980.349.549
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	55.125.481.483	55.192.800.298	103.622.461.347	105.836.246.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.518.555.648	6.382.373.586	12.430.585.924	11.144.103.459
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.150.721.556	421.003.058	1.377.000.411	1.576.284.618
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	20.134.164	25.890.269	54.805.026	36.625.829
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	72.853.246		86.998.701	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	1.971.967.189	1.375.123.249	4.219.462.766	2.847.219.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		4.604.322.605	5.402.363.126	9.446.319.842	9.836.542.876
11. Thu nhập khác	31	VI.6	141.422.685	499.162.672	629.560.881	749.743.025
12. Chi phí khác	32	VI.7	108.077.383	91.807.947	571.789.322	178.821.825
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40		33.345.302	407.354.725	57.771.559	570.921.200
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.637.667.907	5.809.717.851	9.504.091.401	10.407.464.076
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		677.258.413	953.273.010	1.714.913.280	2.129.632.621
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 -51 -52)	60		3.960.409.494	4.856.444.841	7.789.178.121	8.277.831.455
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		440	540	865	920

Hải phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thu Hà

Đâu Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý 2 năm 2016 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		121,601,439,504	122,209,270,010
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(86,788,584,886)	(93,080,606,876)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17,857,242,785)	(16,700,853,845)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3,200,481,697)	(3,529,536,403)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16,903,390,049	15,383,987,771
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28,242,998,232)	(26,748,435,416)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2,415,521,953	(2,466,174,759)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	(3,343,380,375)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	516,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		179,600,000	(2,200,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40,228,656	5,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,389,544	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,370,729,082	1,676,929,389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,591,947,282	1,649,549,014
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,488,605,860)	(8,395,457,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2,488,605,860)	(8,395,457,500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 40+ 30 + 20)	50		1,518,863,375	(9,212,083,245)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38,635,046,676	59,592,063,490
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20,821,628	27,012,880
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		40,174,731,679	50,406,993,125

Hải phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thu Hà

Đặng Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng; kinh doanh nhà; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Đóng tàu, cầu kiện nổi; Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất xe có động cơ; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bốc xếp hàng hoá.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại TP. Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại tỉnh Quảng Ninh;
- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại TP. Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”) được dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính này được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện .

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam; Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang đồng Việt Nam.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các nghiệp vụ kinh tế phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh: Bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) có thể bao gồm cả công cụ tài chính không được chứng khoán hóa như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo, như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác.

c. Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Công ty liên kết là Công ty mà Công ty mẹ ảnh hưởng đáng kể mà không phải hình thức Công ty con hay công ty liên doanh (Thông thường là các công ty mà công ty mẹ sở hữu từ 20 đến 50% quyền biểu quyết)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở thông báo phân phối lợi nhuận từ các công ty này.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

f. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc mức dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm Chi phí mua, chế biến và các chi phí khác nếu có để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	03 – 07

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng bãi container, và các chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất trả trước một lần cho nhiều năm được phân bổ theo thời hạn thuê đất.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện giá gốc trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của cổ đông
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu tài chính:

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác:

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ và được hạch toán trong kỳ báo cáo đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán và thuế, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối quý	Đầu năm
Tiền mặt	1.558.708.640	1.721.216.109
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.116.023.039	10.563.830.567
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	25.500.000.000	26.350.000.000
Cộng	40.174.731.679	38.635.046.676

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1. Chứng khoán kinh doanh

	Cuối quý	Đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	2.535.776.561	2.569.523.450
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-1.043.719.061	-1.046.818.206
Cộng	1.492.057.500	1.522.705.244

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Chi tiết chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	10.820	383.749.881	143.541.881	10.824	383.929.077	143.636.277
Công ty CP tập đoàn Hoa Sen (HSG)	0	0	0	936	32.000.000	2.516.000
Công ty CP đại lý liên hiệp vận chuyển (GMD)	4.995	203.749.750	62.557.750	3.330	203.749.750	62.557.750
Công ty CP cơ điện lạnh (REE)	22.160	742.568.430	256.952.830	19.272	742.645.500	256.991.100
Công ty CP tập đoàn Hoà Phát (HPG)	0	0		5	85.344	
Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ FPT (FPT)	4.131	237.948.000	64.406.100	3.593	237.948.000	64.406.100
Tổng công ty CP dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PVS)	0	0	0	74	1.789.603	553.803
Công ty CP vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500	238.260.500	15.000	272.760.500	236.260.500
Công ty CP vận tải biển Việt Nam (VOS)	10.000	195.000.000	168.000.000	10.000	195.000.000	168.000.000
Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	50.000	500.000.000	110.000.000	50.000	500.000.000	110.000.000
Cộng		2.535.776.561	1.043.719.061		2.569.907.774	1.046.921.530

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	8.257.558.333	8.257.558.333	10.457.558.333	10.457.558.333
Cộng	8.257.558.333	8.257.558.333	10.457.558.333	10.457.558.333

2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu (*)	3.600.000.000	0	3.600.000.000	0
Đầu tư vào đơn vị khác Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines	33.594.424.002	-1.854.116.480	33.594.424.002	-1.854.116.480

(*) Công ty góp vốn vào Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu với tỷ lệ vốn góp là 27,73% vốn điều lệ.

3. Phải thu khách hàng

	Cuối quý	Đầu năm
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	42.957.482.719	38.777.742.161
Trong đó chi tiết các khoản phải thu khách hàng chiếm từ 10% trở lên tổng phải thu khách hàng:		
Công ty TNHH Cảng Phước Long	7.134.902.279	8.752.613.124
Công ty Toyota Việt Nam	3.432.909.919	5.012.185.994
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.701.992.360	3.740.427.130
b. Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	35.822.580.440	30.025.129.037

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4. Phải thu khác

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn	3.171.990.633	2.400.319.405
Tạm ứng	768.103.369	434.972.831
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	450.740.000	484.876.000
Phải thu về tiền lãi Ngân hàng	27.222.232	266.267.790
Phải thu tiền điện chi hộ	449.441.270	227.107.478
Phải thu tiền cho thuê bãi	450.000.000	378.752.000
Phải thu chi phí vận tải chi hộ	204.065.465	160.810.645
Phải thu thuế TNCN của CBCNV	74.048.880	96.215.532
Các khoản phải thu khác	748.369.417	351.317.129
b. Dài hạn		

5. Nợ xấu

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	3.437.588.748		3.437.588.748	
Công ty CP vận tải container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	1.861.053.069		1.861.053.069	
Công ty CP đường sắt phía Nam	940.289.991		940.289.991	
Công ty CP nhựa Tân Hóa	262.027.503		262.027.503	
Các khách hàng khác	374.218.185		374.218.185	

6. Hàng tồn kho

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Hàng đi trên đường	232.000.000	528.517.920
Nguyên liệu, vật liệu	431.069.915	772.634.880
Hàng hóa	234.084.051	293.315.328
Hàng gửi đi bán	7.883.000	0
Cộng	905.036.966	1.594.468.128

7. Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn				
Cộng			0	
b. Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình (*)	31.398.458.952		31.374.394.952	
Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Long A	9.812.018.007		9.812.018.007	
Bãi container Đình Vũ	122.545.455		122.545.455	
Văn phòng làm việc phía Nam	7.240.565.906			
Cộng	48.573.588.320		41.308.958.414	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	65.496.448.801	24.334.063.328	24.710.405.094	362.409.120	3.549.734.364	118.453.060.707
Mua trong năm			101.800.000			101.800.000
Thanh lý, nhượng bán	66.259.708		287.740.000		85.670.118	439.669.826
Giảm khác						0
Số cuối kỳ	65.430.189.093	24.334.063.328	24.524.465.094	362.409.120	3.464.064.246	118.115.190.881
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	48.480.976.868	23.209.278.637	11.076.748.383	306.159.120	1.527.751.455	84.600.914.463
Khấu hao trong năm	965.846.799	542.345.394	1.192.102.102	9.375.000	232.454.706	2.942.124.001
Thanh lý, nhượng bán	44.692.342		287.740.000		85.670.118	418.102.460
Giảm khác						0
Số dư cuối kỳ	49.402.131.325	23.751.624.031	11.981.110.485	315.534.120	1.674.536.043	87.124.936.004
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.015.471.933	1.124.784.691	13.633.656.711	56.250.000	2.021.982.909	33.852.146.244
Số cuối năm	16.028.057.768	582.439.297	12.543.354.609	46.875.000	1.789.528.203	30.990.254.877

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

9. Chi phí trả trước

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn	684.692.512	1.177.345.073
Hoạt động vận tải	589.376.391	1.109.638.880
Hoạt động khai thác bãi	95.316.121	67.706.193
b. Dài hạn	5.642.785.288	6.339.853.743
Giá trị quyền sử dụng đất (*)	4.522.658.779	4.568.419.257
Sửa chữa bãi Chùa Vẽ	269.187.309	373.648.057
Chi phí CCDC tại bãi Nam Hòa, TP.HCM	786.724.354	1.339.222.958
Chi phí CCDC tại CN Vũng Tàu	64.214.846	58.563.471

(*) là tiền thuê đất trả trước một lần tại số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng. Diện tích 376,7 m², thời gian thuê đất là 50 năm.

10. Phải trả người bán

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	18.076.947.402	18.076.947.402	17.631.406.924	17.631.406.924
Công ty xăng dầu khu vực 3 – TNHH MTV	662.887.000	662.887.000	503.598.685	503.598.685
Công ty TNHH khai thác container Việt Nam	8.831.401.667	8.831.401.667	8.694.388.167	8.694.388.167
Phải trả cho các đối tượng khác	8.582.658.735	8.582.658.735	8.433.420.072	8.433.420.072
b. Phải trả người bán dài hạn				

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp	Số cuối năm
a. Phải nộp	4.145.698.884	8.651.115.904	10.409.183.079	2.387.631.709
Thuế GTGT hàng bán nội địa	522.356.163	3.387.095.677	3.113.035.885	796.415.955

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuế GTGT hàng nhập khẩu		61.476.988	61.476.988	
Thuế xuất, nhập khẩu		88.362.281	88.362.281	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.404.996.141	1.715.837.280	3.705.920.141	1.414.913.280
Thuế thu nhập cá nhân	125.870.116	719.576.149	763.174.366	82.271.899
Thuế đất, tiền thuê đất	20.000.000	2.290.254.471	2.290.254.471	20.000.000
Các loại thuế khác	72.476.464	388.513.058	386.958.947	74.030.575
b. Phải thu	485.905.144			0
Thuế GTGT hàng bán nội địa	485.905.144			0
Thuế thu nhập cá nhân	0			0

12. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
a. Ngắn hạn	4.638.845.489	3.457.453.472
Chi phí khai thác bãi	3.557.464.530	2.962.268.955
Chi phí phải trả khác	1.081.380.959	495.184.517
b. Dài hạn	0	0

13. Phải trả khác

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn	2.861.291.591	1.586.775.980
Kinh phí công đoàn	263.562.354	290.632.537
Tiền cổ tức phải trả	1.482.160.410	0
Hoạt động khai thác nhà 163 NVT	0	523.416.770
Phải trả tiền khai thác bãi Nam Hòa 4	601.666.894	425.544.124
Phải trả, phải nộp khác	513.901.933	347.182.549
b. Dài hạn	52.281.413.774	52.587.354.674
Ký quỹ, ký cược dài hạn	752.000.000	1.118.500.000
Khoản góp vốn của CBCNV thực hiện dự án		
Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình (*)	43.977.775.000	43.977.775.000
Lãi tiền gửi dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình	7.551.638.774	7.491.079.674

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

(*) Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình là dự án được hình thành từ nguồn vốn đóng góp của cán bộ nhân viên Công ty.

14. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	85.527.270	726.981.816
Cộng	85.527.270	726.981.816
b. Dài hạn		

15. Dự phòng phải trả

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn		
Dự phòng phải trả khác	572.219.092	
Cộng	572.219.092	0
b. Dài hạn		
Cộng	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	8.746.758.303	41.869.100.700	160.615.839.003
Lãi trong năm trước					18.062.149.732	18.062.149.732
Trích lập các quỹ trong năm trước				3.568.687.915	(3.568.687.915)	0
Trích quỹ BDH, quản lý, quỹ PL					(2.128.818.315)	(2.128.818.315)
Chi cổ tức năm 2014 (12% VDL)					(10.799.997.600)	(10.799.997.600)
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	12.315.446.218	43.433.746.602	165.749.172.820
Lãi trong năm nay					7.789.178.121	7.789.178.121
Truy thu thuế năm trước					(1.344.000)	(1.344.000)
Trích lập các quỹ trong năm nay				4.515.537.433	(4.515.537.433)	
Trích quỹ PL, quỹ BDH, quản lý					(1.921.332.140)	(1.921.332.140)
Tạm ứng cổ tức năm 2015 (6% VDL)					(5.399.998.800)	(5.399.998.800)
Số dư cuối kỳ này	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.830.983.651	39.384.712.350	166.215.676.001

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

b. Chi tiết đầu tư của Vốn chủ sở hữu

	Cuối quý	Đầu năm
Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	45.900.000.000	45.900.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	44.100.000.000	44.100.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	5.399.998.800	10.799.997.600

d. Cổ phiếu

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.000.000</i>	<i>9.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2	2
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2</i>	<i>2</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.999.998	8.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.999.998</i>	<i>8.999.998</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ		
Cộng	8.999.998	8.999.998

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá	13.076.920.437	15.176.224.699
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.567.116.694	46.398.949.185
Cộng	60.644.037.131	61.575.173.884

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hoá đã bán	12.553.060.823	14.708.481.313
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.572.420.660	40.484.318.985
Cộng	55.125.481.483	55.192.800.298

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	203.670.559	380.050.628
Cổ tức, lợi nhuận được chia	929.525.000	5.695.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.607.973	35.256.630
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.918.024	0
Cộng	1.150.721.556	421.003.058

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.172.651	25.875.960
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	0	0
Chi phí tài chính khác	1.961.513	14.309
Cộng	20.134.164	25.890.269

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	0	428.677.271
Lãi do đánh giá lại tài sản		
Tiền phạt thu được		24.560.000
Thuế được giảm		
Các khoản khác	141.422.685	45.925.401
Cộng	141.422.685	499.162.672

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	0	32.006.369
Lỗ do đánh giá lại tài sản	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Các khoản bị phạt

Các khoản khác

108.077.383

59.801.578

Cộng**108.077.383****91.807.947**

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Q2/2016

Q2/2015

a. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

1.971.967.189**1.375.123.249**

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác

1.971.967.189

1.375.123.249

b. Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

72.853.246

0

Các khoản chi phí bán hàng khác

72.853.246

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Q2/2016

Q2/2015

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

2.212.730.084

2.913.864.583

Chi phí nhân công

7.928.911.118

8.435.865.507

Chi phí khấu hao tài sản cố định

1.393.135.873

1.319.944.226

Chi phí dịch vụ mua ngoài

43.590.704.408

42.523.125.982

Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.044.820.435

1.375.123.249

Cộng**57.170.301.918****56.567.923.547**

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Năm nay

Năm trước

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

1.714.913.280

2.129.632.621

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

1.714.913.280

2.129.632.621

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai;
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng;
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ;
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Năm nay	Năm trước
Chi cổ tức năm	2.754.000.000	2.754.000.000
Cộng	2.754.000.000	2.754.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, công nợ với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cuối quý	Đầu năm
Cổ tức phải trả	1.500.000.000	2.327.333.670
Khấu hao toà nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi, lãi hợp đồng hợp tác liên doanh	0	523.416.770
Cộng	1.500.000.000	2.850.750.440

4. Những thông tin khác

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Bùi Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Đâu Anh Dũng

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng